

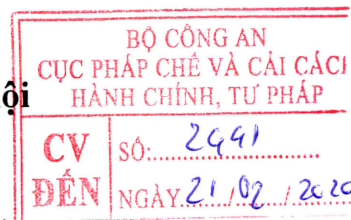
BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2020/TT-BCA

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2020

THÔNG TƯ
Quy định về thực hiện dân chủ
trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội



Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Luật Công an nhân dân ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị quyết số 55/NQ-UBTVQH10 ngày 30 tháng 8 năm 1998 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan;

Căn cứ Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về thực hiện dân chủ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về mục đích, nguyên tắc, nội dung thực hiện dân chủ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội theo quy định của pháp luật, bao gồm: đăng ký, quản lý cư trú; cấp, quản lý chứng minh nhân dân, căn cước công dân và các giấy tờ đi lại khác; đăng ký, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý con dấu; quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo (trừ vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ do Bộ Quốc phòng quản lý); quản lý, sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia về

Lg: PG 21
02/2020

dân cư; công tác bảo đảm trật tự công cộng; công tác Cảnh sát phản ứng nhanh (gọi tắt là Cảnh sát 113); xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Thông tư này áp dụng đối với:

a) Công an các đơn vị, địa phương thực hiện công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội (sau đây gọi tắt là cơ quan Công an), gồm:

- Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;
- Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Đội Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Đội Cảnh sát giao thông, trật tự thuộc Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- Công an xã, phường, thị trấn, Đồn Công an, Trạm Công an.

b) Sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân thực hiện công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội thuộc các đơn vị quy định tại Điều a Khoản 2 Điều này (sau đây gọi tắt là cán bộ, chiến sĩ);

c) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Điều 2. Mục đích thực hiện dân chủ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội

1. Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân và bảo đảm điều kiện thuận lợi cho Nhân dân thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật; huy động, khuyến khích Nhân dân tích cực tham gia công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Góp phần xây dựng lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội trong sạch vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phát huy quyền làm chủ của cán bộ, chiến sĩ; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị; phòng ngừa, ngăn chặn và chống các hành vi tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, sách nhiễu, gây phiền hà, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện dân chủ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội

1. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và các quy định của Bộ Công an về công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Bảo đảm dân chủ, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng dân chủ xâm hại quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước, của cơ quan, tổ chức và cá nhân; cản trở các hoạt động theo pháp luật của lực lượng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

4. Ngăn chặn, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm việc thực hiện dân chủ trong lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **NỘI DUNG, HÌNH THỨC CÔNG KHAI** **ĐỀ CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN BIẾT**

Điều 4. Địa điểm tiếp công dân, giải quyết công việc trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa điểm tiếp công dân, giải quyết công việc trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội được bố trí tại nơi thuận tiện, dễ nhận biết đề cơ quan, tổ chức, cá nhân đến liên hệ, giải quyết công việc; phải có biển ghi tên cơ quan, đơn vị tiếp công dân, cấp bậc, họ tên, chức vụ của cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ tiếp công dân, nội quy nơi tiếp công dân, thời gian tiếp công dân, sơ đồ hoặc biển chỉ dẫn đến nơi giải quyết từng nội dung công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, bảng hướng dẫn trình tự, thủ tục giải quyết công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội, hòm thư góp ý.

Điều 5. Những nội dung công khai trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội

1. Danh mục và nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính trong các lĩnh vực của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội theo quy định.

2. Quy định, hướng dẫn việc gọi điện đến số điện thoại khẩn cấp 113.

3. Tên, số điện thoại, thời gian làm việc, trang thông tin điện tử (nếu có) của cơ quan, đơn vị tiếp nhận, giải quyết các thủ tục liên quan đến công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội; địa chỉ thư tín, số điện thoại chuyên dùng, địa chỉ email thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính; kết quả xử lý kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành

chính; danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận, không tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả được thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến.

4. Hình thức, thủ tục, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội.

5. Thông tin về việc khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định của pháp luật.

6. Nơi tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo, đề nghị hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, chiến sĩ khi giải quyết công việc về công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội liên quan đến cơ quan, tổ chức và cá nhân.

8. Quyền và nghĩa vụ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Điều 6. Các hình thức công khai

Căn cứ vào đặc điểm, tính chất và nội dung phải công khai, cơ quan Công an áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức công khai sau đây:

1. Niêm yết tại địa điểm tiếp dân.
2. Thông qua trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị (nếu có).
3. Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng.
4. Thông qua việc tiếp công dân.
5. Thông báo tại các cuộc họp của Nhân dân.
6. Các hình thức phù hợp khác.

Mục 2

NHỮNG VIỆC CƠ QUAN, TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN THAM GIA, THỰC HIỆN TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

Điều 7. Những việc cơ quan, tổ chức và cá nhân bàn, góp ý để cơ quan có thẩm quyền quyết định

1. Thành lập các tổ chức quần chúng thực hiện công tác bảo đảm an ninh trật tự: Ban bảo vệ dân phố, Đội dân phòng, Tổ tự quản đường phố, tự quản về

trật tự công cộng, câu lạc bộ về an ninh, trật tự, liên gia tự quản về an ninh, trật tự và các tổ chức tự quản, câu lạc bộ khác bảo đảm an ninh, trật tự.

2. Xây dựng điển hình tiên tiến về an ninh, trật tự, bài trừ các hủ tục, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội.

3. Lập các chốt, điểm bảo vệ an ninh, trật tự; duy trì các hoạt động tuần tra của Nhân dân phòng ngừa tội phạm.

4. Quy định chế độ, chính sách cụ thể để huy động Nhân dân tham gia vào công tác bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn.

Điều 8. Những việc cơ quan, tổ chức và cá nhân tham gia ý kiến để cơ quan Công an quyết định

1. Quy ước của các tổ chức quần chúng tham gia công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn dân cư.

2. Tác phong, thái độ phục vụ của cán bộ, chiến sĩ trong thực hiện công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Đề nghị biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân thực hiện tốt nhiệm vụ.

4. Cải cách thủ tục hành chính, thời gian tiếp dân, địa điểm tiếp dân cho phù hợp.

5. Các biện pháp, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

6. Kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Điều 9. Hình thức tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức và cá nhân

Căn cứ đặc điểm, tính chất và nội dung tham gia ý kiến, các cơ quan, tổ chức, cá nhân áp dụng một, một số hoặc tất cả các hình thức tham gia ý kiến sau đây:

1. Thông qua đơn, thư gửi cơ quan Công an.
2. Thông qua điện thoại, đường dây nóng, email, hòm thư góp ý.
3. Thông qua các trang thông tin điện tử của cơ quan Công an.
4. Thông qua các cuộc họp tại địa bàn cư trú (gồm: Tổ dân phố, bản, làng, ấp, thôn, xóm, khóm,...); nơi làm việc, học tập.
5. Thông qua điều tra xã hội học.
6. Thông qua hoạt động tiếp công dân của cơ quan Công an.

7. Các hình thức phù hợp khác.

Điều 10. Quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân

1. Chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật trong lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội.

2. Khi đến làm thủ tục và đề nghị giải quyết những việc liên quan đến quản lý hành chính về trật tự xã hội, phải xuất trình hoặc gửi kèm theo những giấy tờ có liên quan theo quy định; nghiêm chỉnh thực hiện nội quy công sở và chỉ dẫn của cán bộ, chiến sĩ thực hiện công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

3. Phát hiện, tố cáo, đấu tranh, ngăn chặn những hành vi: Vi phạm các quy định quản lý hành chính về trật tự xã hội; cản trở, chống lại cán bộ, chiến sĩ thực hiện công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

4. Giúp đỡ, phối hợp với cán bộ, chiến sĩ thực hiện công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội trong khi thi hành nhiệm vụ.

Mục 3

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ VÀ CÁN BỘ, CHIẾN SĨ THỰC HIỆN DÂN CHỦ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH VỀ TRẬT TỰ XÃ HỘI

Điều 11. Trách nhiệm, quyền hạn của Thủ trưởng đơn vị

1. Tổ chức, chỉ huy, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra cán bộ, chiến sĩ trong đơn vị thực hiện và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các nội dung quy định tại Mục 1, Chương II của Thông tư này.

2. Trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện cần thiết cho cán bộ, chiến sĩ thực hiện nhiệm vụ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội. Bố trí cán bộ đủ số lượng, đảm bảo chất lượng thực hiện công tác tiếp công dân; tổ chức thực hiện việc luân chuyển cán bộ theo quy định.

3. Tổ chức tiếp, giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định.

4. Quyết định theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền quyết định về các nội dung quy định tại Điều 8 của Thông tư này.

5. Xem xét, ký duyệt hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết việc thực hiện các nội dung quản lý hành chính về trật tự xã hội theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân và theo đề xuất của cán bộ, chiến sĩ tiếp công dân.

6. Kịp thời xử lý các hành vi lợi dụng thực hiện dân chủ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Trách nhiệm, quyền hạn của cán bộ, chiến sĩ

1. Thực hiện nghiêm túc các quy định tại Mục 1, Chương II của Thông tư này.
2. Chấp hành nghiêm quy định về Điều lệnh nội vụ Công an nhân dân, quy tắc ứng xử của Công an nhân dân, quy chế làm việc của đơn vị.
3. Tiếp nhận hồ sơ và giải quyết đúng thời hạn theo quy định các nội dung công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.
4. Được xử lý theo quy định của pháp luật đối với cơ quan, tổ chức và công dân có hành vi vi phạm quy định của pháp luật.
5. Được quyền từ chối làm việc, giải quyết ngay các yêu cầu trong lĩnh vực quản lý hành chính về trật tự xã hội của những người có biểu hiện say do dùng rượu, bia, chất kích thích khác, không làm chủ được hành vi của bản thân, ăn mặc phản cảm hoặc có lời nói, hành vi vi phạm nếp sống văn minh ở nơi công cộng.
6. Đề xuất cấp có thẩm quyền trong việc thực hiện các mô hình hay, sáng kiến cải cách hành chính; góp ý các vấn đề có liên quan từ thực tiễn công tác để áp dụng trong việc giải quyết các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Những việc cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội không được làm

1. Không gây phiền hà, sách nhiễu Nhân dân; không yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp những giấy tờ, thủ tục ngoài quy định.
2. Không lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.
3. Không nhận đơn, thư và giải quyết công việc cho các cá nhân, tổ chức tại nhà riêng hoặc bất cứ nơi nào ngoài trụ sở làm việc tại cơ quan.
4. Không hứa hẹn, thỏa thuận hoặc nhận tiền, tài sản, lợi ích vật chất khác, lợi ích phi vật chất để giải quyết thủ tục hành chính về trật tự xã hội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Hiệu lực thi hành


Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2020 và thay thế Thông tư số 48/2011/TT-BCA ngày 06 tháng 7 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thực hiện dân chủ trong công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành

1. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Thông tư này.

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

3. Định kỳ 6 tháng, 01 năm, Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Thông tư này và báo cáo kết quả bằng văn bản về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội).

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để có hướng dẫn, xem xét, giải quyết kịp thời. / 

Nơi nhận:

- BCD Trung ương về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- BCD thực hiện dân chủ ở cơ sở của Bộ Công an;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03, C06(P1).

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Tô Lâm